

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ VIỆC TẠO TIỀN TÍN DỤNG

LÊ NAM HẢI

Ngân hàng thương mại là một doanh nghiệp kinh doanh tiền tệ, tự huy động vốn để cho vay, tức là "đi vay để cho vay", hưởng chênh lệch tỷ lệ lãi suất (giữa tỷ lệ lãi suất huy động tiền gửi và tỷ lệ lãi suất cho vay). Sự mô tả như thế giúp hiểu được tính chất của NHTM, nhưng nó chưa đủ để định nghĩa NHTM một cách trọn vẹn. Ngày nay, các nhà kinh tế nhận thấy có khó khăn trong việc định nghĩa "ngân hàng", bởi vì quan niệm về ngân hàng thay đổi trong không gian (tập quán, luật lệ của mỗi nước) và trong thời gian (theo đà tiến triển kinh tế - xã hội).

Đã có một thời, NHTM huy động vốn bằng tiền mặt, cho vay bằng tiền mặt, thu nợ bằng tiền mặt và trả tiền gửi bằng tiền mặt, người ta gọi nó là NHTM cổ điển, HTX tín dụng nông thôn, ở nước ta ngày nay còn duy trì phương thức hoạt động này.

Khi NHTM biết dùng công cụ thay thế tiền mặt để thanh toán qua ngân hàng như séc chẳng hạn, thì người ta gọi nó là NHTM hiện đại. Với việc mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, chức năng tạo tiền - tiền ghi sổ (bút tệ) đã trao cho NHTM hiện đại. Việc tạo tiền được phát sinh sau khi NHTM cho vay bằng chuyển khoản, cùng trong một hệ thống NHTM. Đơn vị vay vốn được ghi nợ tài khoản cho vay, đơn vị cung ứng hàng hóa hoặc dịch vụ cho đơn vị vay được ghi có vào tài khoản tiền gửi tại một NHTM. Như vậy, trong trường hợp cho vay như trên, không có nguồn vốn NHTM vẫn cho vay được. Đó là bản chất của việc tạo ra tiền ghi sổ của NH. M.

Vào thế kỷ 19, hệ thống ngân hàng hai cấp đã được hình thành các ngân hàng không còn hoạt động riêng lẻ mà đã tạo nên một hệ thống, trong đó NHTM là cơ quan quản lý về tiền tệ, tín dụng, là ngân hàng của các ngân hàng, còn các NHTM chuyên kinh doanh tiền tệ. Nhờ hoạt động trong hệ thống mà các NHTM đã tạo ra bút tệ. Việc tạo ra tiền "bút tệ" là sáng kiến quan trọng trong lịch sử hoạt động ngân hàng. Chức năng tạo "bút tệ" được thực hiện thông qua hoạt động tín dụng và đầu tư của NHTM trong mối quan hệ tùy thuộc với NHTM. Nhờ nhận tiền ký thác của khách hàng, NHTM có khả năng cho vay. Nhưng khi cho vay, ngân hàng lại tạo ra tiền ký thác mới, còn gọi là tiền "bút tệ", tiền chuyển khoản, NHTM trở thành người cung ứng tiền "bút tệ" quan trọng trong nền kinh tế.

Khi NHTM ra đời, hệ thống ngân hàng hai cấp hình thành, người ta lại có khái niệm tiền trung ương và tiền ghi sổ. Tiền trung ương bao gồm tiền mặt trong lưu thông cộng với số tiền gửi của các tổ chức tín dụng và tài chính có tại NHTM. Còn số dư tiền gửi của các tổ chức kinh tế, cá nhân có tại NHTM là tiền ghi sổ. Trong lãnh vực này, có sự chuyển hóa từ tiền ghi sổ sang tiền trung ương rất nhanh, khi khách hàng đến rút tiền mặt từ tài khoản của họ ở NHTM.

Vậy đâu là nguồn gốc của đồng tiền ghi sổ và dựa vào các nguyên tắc nào đồng tiền ghi sổ có thể hoạt động? Tiền ghi sổ là do các NHTM tạo ra, cho nên cần phải phân tách sự phát hành đó được thực hiện như thế nào.

Nếu bỏ qua các yếu tố phức tạp khác, thì quá trình

tạo ra tiền ghi sổ của NHTM như sau. Để đơn giản hóa và dễ hiểu những nguyên tắc chính, chúng ta giả sử rằng: (1) tiền gửi séc là hình thức tiền tệ duy nhất, chúng ta không nói tới tiền mặt; (2) tất cả tiền gửi đều phải đáp ứng yêu cầu thống nhất về dự trữ, mức dự trữ bắt buộc là 5%.

Quá trình được bắt đầu khi NH A nhận tiền gửi 1.000đ. Điều đó làm tăng dự trữ bắt buộc của NH lên 50đ. NH A không muốn giữ khoản dự trữ 950đ dư thừa này, bởi vì nó không đưa lại khoản thu nhập về lãi. NH A có thể cho vay 950 đ. Số tiền đó được ghi có vào tài khoản người vay. Người vay phát hành séc và 950đ rời khỏi NH A. Song, cần nhận thấy rằng (mà đây lại là điều then chốt) NH A trên thực tế không mất đi số tiền gửi ban đầu với số tiền 1.000đ, cũng như không mất đi 50đ dự trữ bắt buộc. Ngân hàng này chỉ mất số tiền gửi 950đ được tạo thành, do việc cấp tiền vay và số tiền 950đ dự trữ thừa phù hợp.

Tiếp theo chúng ta chuyển chú ý sang NH B, là NH nhận séc cho NH A với mức 950đ. Tiền gửi của NH B sẽ tăng lên 950đ. Với yêu cầu dự trữ bắt buộc là 5%, bằng 47,50đ khi tiền gửi tăng thêm 950đ đó, nên dự trữ dư thừa chỉ còn 902 đ,50. Như vậy, cũng như NH A, NH B sẽ nhanh chóng đầu tư số tiền đó và khi đó NH B sẽ mất đi 902đ,50 cho một NH nào đó, nhưng vẫn giữ số tiền gửi ban đầu là 950đ và 47đ,50 dự trữ bắt buộc.

Ở thời điểm này, quá trình mở rộng theo hệ số nhân số tiền gửi đã bắt đầu. Số tiền gửi ban đầu 1.000đ nằm trên sổ sách NH A. Nhưng bây giờ sổ sách của NH B cũng phản ánh số tiền gửi 950đ. Tổng số tiền gửi của hệ thống NH đã tăng lên 1.950đ hay 1,95 lần số tiền gửi ban đầu và quá trình này chưa ngừng lại ở đây.

Quá trình mở rộng tiền gửi này cứ tiếp tục như vậy, thể hiện các kết quả của các chu kỳ mở rộng tiếp sau. Mỗi NH đều tiếp tục đầu tư số tiền bằng 95% số tiền gửi của họ nhận được và đều phải giữ lại 5% dự trữ bắt buộc. Sau 10 chu kỳ, số tiền gửi đã tăng lên 8.025đ,20 và sau một chu kỳ nữa, tổng số tiền gửi ở tất cả các NH sẽ tăng lên tới 20.000đ, tức là gấp 20 lần số tiền gửi ban đầu.

Như vậy, khoản tiền gửi 1.000đ ban đầu được chuyển hóa trong hệ thống NH như sau:

Vị trí từng NH trong chuỗi dây chuyền (1)	Tiền gửi mới nhận được (2)	Số tiền cho vay mới hoặc đầu tư (3)	Dự trữ bắt buộc mới (4)
NH 1	1000,00	950,00	50,00
2	950,00	902,50	47,50
3	902,50	857,37	45,13
4	857,37	814,50	42,87
5	814,50	773,77	40,73
6	773,77	735,08	38,69
7	735,08	698,33	36,75
8	698,33	663,41	34,92
9	663,41	630,24	33,17
10	630,24	598,73	31,51
Toàn bộ 10 NH	8.025,20	7.623,93	401,27
Các NH khác	11.947,80	11.376,07	598,73
Toàn bộ các NH	20.000,00	19.000,00	1.000,00

Bảng trên phản ánh quá trình mở rộng tiền gửi của hệ thống ngân hàng. Trong bảng, thể hiện 10 chu kỳ đầu tiên của việc mở rộng tiền gửi và kết quả cuối cùng đối với một hệ thống ngân hàng đã được đơn giản hóa dựa trên cơ sở nhận được số dự trữ ban đầu là 1.000đ thông qua nghiệp vụ tiền gửi. Mỗi NH tiếp tục đầu tư số tiền bằng 95% số tiền gửi của họ nhận được và đều phải giữ lại 5% dự trữ bắt buộc. Bảng này lần lượt thể hiện chu kỳ đầu tiên của việc mở rộng tiền gửi, rồi cứ tiếp tục như vậy

cho đến kết quả cuối cùng.

Mỗi dòng ngang của bảng thể hiện các kết quả của các chu kỳ mở rộng tiếp sau. Các cột dọc (2), (3) của bảng cho thấy các phương án khác nhau của quá trình mở rộng. Thay cho sự tăng trưởng của tiền gửi ở mỗi chu kỳ nó phản ánh phần của 1.000 đ,00 ban đầu trong các dự trữ mới "được sử dụng" làm dự trữ bắt buộc. Sự mở rộng tiền gửi được tiếp tục cho tới khi toàn bộ 1.000 đ,00 dự trữ mới sẽ được sử dụng hết làm dự trữ bắt buộc và số tiền gửi được mở rộng tới 20.000đ.

Như vậy, tổng số tiền gửi mới so với dự trữ mới được thể hiện bằng phương trình: $\Delta D = \frac{\Delta R}{r}$, trong đó Δ , là "những thay đổi", D là tiền gửi séc, R là dự trữ, r là mức dự trữ bắt buộc. Phương trình này cho ta hệ số nhân "tiền gửi so với dự trữ" đối với mô hình kinh tế đã được đơn giản hóa.

Ngoài phương pháp lập bảng số kiểu thủ công kể trên, người ta còn chứng minh bằng toán học khả năng tối đa tạo bút tệ của hệ thống NHTM.

Gọi tiền gửi của NH ban đầu là U_1 , của NH thứ 2 là U_2 ... của NH n là U_n , khi dự trữ bắt buộc là 5%, thì ta có $U_2 = 95\% U_1$ hay $U_2 = U_1 \times 9,5/10$

Ta lập bảng sau để tìm ra tổng S (S = tiền gửi mới):

$U_1 =$	1.000đ,00
$U_2 = 95\% U_1 = U_1 \times 9,5/10 =$	950,
$U_3 = 95\% U_2 = U_2 \times (9,5/10)^2 =$	902,50
$U_4 = 95\% U_3 = U_3 \times (9,5/10)^3 =$	857,37

$$U_n = 95\% U (n-1) = U_1 \times (9,5/10)^{(n-1)}$$

Sự chuyển dịch của U_1 trong hệ thống vô số các ngân hàng thương mại là vô hạn, nên khi $n \rightarrow \infty$, thì $U_n \rightarrow 0$, là giới hạn cuối cùng của tiền gửi mới S , khi U_1 dịch chuyển đến ngân hàng cuối cùng. Đó là tổng S_n , là một đại lượng có giới hạn. Giới hạn này phụ thuộc vào công bội q . Công bội q biểu thị tỷ lệ vốn tiền gửi có thể cho vay và đầu tư sau khi đã ký quỹ dự trữ bắt buộc. Ta biết rằng công bội q là một hằng số có dạng phân số, đã được tìm ra khi quan sát sự biến thiên của tiền gửi mới.

Áp dụng công thức tính tổng S_n của 1 cấp số nhân lùi vô hạn ta có:

$$S_n = U_1 + U_2 + \dots + U_n$$

$$S_n = U_1 = \frac{U_1 (1 - q^n)}{1 - q} \quad (1)$$

Khi $n \rightarrow \infty$ mà $q < 1$ thì $q^n \rightarrow 0$, khi đó ta có:

$$S_n = \frac{U_1 (1 - 0)}{(1 - q)} = \frac{U_1}{1 - q} \quad (2)$$

Ở đây S_n là tổng số tiền gửi mới của tất cả hệ thống ngân hàng tạo ra. Con số mà chúng ta đang phải tìm khi $n \rightarrow \infty$ vô cùng.

U_1 thay bằng số của ví dụ trên vào công thức (2)

$$S_n = \frac{U_1}{1 - q} \text{ ta có:}$$

$$S_n = \frac{1.000}{1 - \frac{9,5}{10}} = \frac{1000}{0,5} = 20.000$$

S_n hoàn toàn phụ thuộc vào tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Nếu tỷ lệ này càng cao thì S_n càng giảm. "Bội số của mức cung về vốn" hoàn toàn tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tức là tỷ lệ dự trữ bắt buộc càng cao, thì khả năng tạo tiền của NHTM càng kém.

Để vận dụng công thức toán học, chúng ta buộc phải tìm công bội q như trên. Nhưng để tìm mối liên hệ giữa toàn bộ tiền gửi mới của các ngân hàng và tỷ lệ dự trữ bắt buộc, chúng ta phải tiếp tục biến đổi công thức (2): $S_n = \frac{U_1}{1 - q}$ (công thức mà khoa toán đại số đã cho sẵn).

Gọi r là tỷ lệ dự trữ bắt buộc, thì $q = 1 - r$, công thức

$$(2) \text{ trở thành: } S_n = \frac{U_1}{1 - (1 - r)} = \frac{U_1}{1 - 1 + r} = \frac{U_1}{r} \quad (3).$$

Công thức (3) cho biết mối quan hệ trực tiếp của 3 đại lượng: toàn bộ tiền gửi mới của các ngân hàng, tiền gửi ban đầu và tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Như vậy "bội số của mức cung về vốn" tức khả năng tạo tiền của ngân hàng, hoàn toàn tỷ lệ nghịch với tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

Bằng cách lập bảng số theo phương pháp thủ công hay sử dụng phương pháp toán học, thì đáp số cuối cùng, khi tỷ lệ dự trữ bắt buộc 5%, đều cho $S_n = 20$ lần U_1 . Nếu tỷ lệ dự trữ bắt buộc $r = 10\%$, tổng tiền gửi toàn hệ thống tăng lên 2,8 lần. Nói cách khác, khi $r = 10\%$, NHTM rút từ lưu thông đưa vào dự trữ 1 triệu đồng vốn, sẽ làm cho tổng cung tín dụng trong toàn hệ thống giảm 10 triệu đồng. Như vậy, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đóng vai trò khá hiệu lực, làm "rung chuyển" khá mạnh đến khối lượng tiền.

Cần lưu ý là, khả năng tạo bút tệ tính theo các phương pháp trên là lý tưởng, là giới hạn tối đa của khả năng tạo bút tệ của hệ thống NH. Trong thực tế thì khó xảy ra, bởi vì ngoài dự trữ bắt buộc, các NH còn phải dự trữ đảm bảo thanh toán. Và lại, không phải lúc nào cũng có khách hàng vay hết số tiền còn lại của NH, đồng thời người gửi tiền cũng có thể rút tiền để chi tiêu bằng tiền mặt. Như vậy, không phải khả năng tạo bút tệ của các NHTM là vô hạn độ, trong thực tế khả năng tạo bút tệ thấp hơn trong lý thuyết vì một phần của tiền gửi tạo ra sẽ rời bỏ các NH (hoặc là để biến thành giấy bạc, hoặc là đi tới các mạng lưới khác). Sự vận hành khả năng tạo tiền trong thực tế bao hàm rằng một số điều kiện nào đó phải được vận dụng đầy đủ. Tuy nhiên, trong thực tế, không phải bao giờ cũng tìm thấy những điều kiện vận dụng lý tưởng. Những điều kiện ấy được hội tụ chẳng hạn như ở Mỹ, ở Đức tốt hơn là ở Pháp, vì ở Pháp hệ số nhân tiền gửi (khả năng tạo bút tệ) ít vận hành hoặc dù sao cũng không đều đặn và không thường xuyên. Trong hệ số nhân tạo tiền bút tệ thì tỷ lệ tiền mặt được coi là tương đối ổn định. Giả thuyết này chỉ phù hợp với một nền kinh tế ổn định, chứ không bao giờ phù hợp với các nước đang phát triển. Chừng nào đồng nội tệ với chức năng là phương tiện tích lũy còn yếu kém, thì tỷ lệ tiền mặt còn cao; tiền NHTM không quay trở về các NHTM dưới hình thức các khoản tiền gửi và như vậy hệ số tạo tiền sẽ nhỏ đi.

Tóm lại, khả năng phát hành tiền ghi sổ (hay là khả năng tạo tiền tín dụng) của NHTM là khả năng biến mức tiền gửi ban đầu tại một NH đầu tiên nhận tiền gửi thành một khoản tiền lớn hơn gấp nhiều lần, thông qua việc thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, tín dụng qua nhiều NH. Khả năng này tạo ra một bội số mức cung tiền tệ (số nhân tạo tiền) liên quan chặt chẽ với việc điều hành công cụ dự trữ bắt buộc của NHTM. Khi NHTM thay đổi tỷ lệ dự trữ bắt buộc NHTM có thể thay đổi khối lượng tiền lưu thông và công cụ này có tác dụng thay đổi khả năng tạo tiền bút tệ của NHTM.

Các bút tệ thực sự thúc đẩy việc tăng trưởng kinh tế. Mức tăng trưởng kinh tế dựa trên cơ sở nguồn vốn tiền gửi mới do hệ thống NH tạo ra, chứ không phải trên cơ sở khoản tiền gửi ban đầu tại một NH đầu tiên. Đó chính là nhân tố cơ bản trong hoạt động kinh doanh tiền tệ của NHTM, dù rằng các NHTM không bao giờ đạt được mức sử dụng hệ số nhân tiền cực đại như trong lý thuyết.

Vận hành khả năng tạo bút tệ không thỏa đáng cũng sẽ gây nên những tai họa to lớn, có thể đưa NHTM đến phá sản. Trong trường hợp bút tệ được tạo ra ở mức cao, khi khách hàng có tiền gửi, đến rút tiền mặt (tức là hủy tiền bút tệ) hoặc yêu cầu thanh toán ra ngoài hệ thống NH, thì NHTM này không có đủ khả năng thanh toán. Mất khả năng thanh toán là mở đầu cho sự phá sản.